

THÔNG BÁO

Kết quả Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử của Thành phố Hồ Chí Minh trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia (tuần thứ 43)

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

Căn cứ kết quả đánh giá các tiêu chí của Bộ chỉ số, kết quả Thành phố trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia¹:

1. Kết quả Thành phố Hồ Chí Minh: đạt hạng 31/34 với tổng số điểm đạt được 84,77 điểm (tuần trước 82,04 điểm) (phụ lục 1).

1.1. Công khai, minh bạch: 15,16/18 điểm (tuần trước 15,07 điểm)

- Tỷ lệ cập nhật, công khai đúng hạn: 76,74%
- Tỷ lệ công khai đầy đủ các nội dung quy định: 100% (2.254 thủ tục).
- Hồ sơ đồng bộ lên cổng DVCQG: 1.666.451 hồ sơ.

1.2. Tiến độ giải quyết: 18,54/20 điểm (tuần trước 18,44 điểm)

Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn của Thành phố đạt mức trung cao khoảng 95,77%, số liệu của Sở Tài chính không ghi nhận phát sinh số liệu trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia (hiện tại đa phần hồ sơ trong lĩnh vực tài chính đều thực hiện qua hệ thống chuyên ngành của Bộ Tài chính).

Hiện các đơn vị vẫn còn hồ sơ xử lý quá hạn (kèm phụ lục 3)

1.3. Dịch vụ trực tuyến: 18,16/22 điểm (tuần trước 16,22 điểm)

1.3.1. Dịch vụ công trực tuyến: 8,2/12 điểm (tuần trước 8,02 điểm)

- Tỷ lệ TTHC cung cấp DVCTT một phần: 55,28% (1.257 DVCTT).
- Tỷ lệ TTHC cung cấp DVCTT toàn trình: 14,73% (335 DVCTT).
- Còn lại: 29,99% (682 TTHC).
- Hồ sơ nộp trực tuyến: 65,54% (1.096.276 hồ sơ).
- Hồ sơ xử lý đúng hạn: 93,96%.

¹ Số liệu trích xuất vào lúc 7 giờ 30 phút, ngày 27/10/2025 tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-tonghop.html> với mốc lấy số liệu năm 2025

1.3.2. Thanh toán trực tuyến: 10/10 điểm (tuần trước 8,2 điểm)

- Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến: 83,71% (550 TTHC).
- Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến 71,8% (956.491 hồ sơ).

1.4. Mức độ hài lòng: 17,94/18 điểm (tuần trước 17,94 điểm)

- Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị 99,0%.
- Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC 92,68%.

1.5. Số hóa hồ sơ: 14,97/22 điểm (tuần trước 14,37 điểm)

- Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử: 71,85 %.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC: 67,97%.
- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa: 18,55% (332.465 hồ sơ).

2. Đánh giá, khó khăn:

Về điểm số Thành phố đã có nhiều nỗ lực và điểm cùng thứ hạng tăng, ngoài những nguyên do như đã nêu tại Thông báo tuần 41, Thành phố đã có nhiều nỗ lực cải thiện điểm số.

3. Giải pháp, phương hướng:

Căn cứ các đề xuất giải pháp đã nêu ở Thông báo tuần 41, các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện, tùy thuộc vào điều kiện của cơ quan, đơn vị mà có những giải pháp tốt hơn, phù hợp để cải thiện điểm số, nâng cao thứ hạng.

Đề nghị Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu phổ biến, quán triệt Thông báo này đến các cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị, địa phương./.

(Kèm theo các phụ lục)

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTUB: CT, các PCT (để báo cáo)
- VPUB: CVP, PCVP;
- Sở, ban, ngành Thành phố;
- Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố;
- UBND phường, xã, đặc khu;
- TT PVHCC TP;
- Lưu: VT, TNSH/ĐL.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Trương Công Huy

Phụ lục 1
Điểm, tỷ lệ đạt được của Thành phố

TT	Chỉ số	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Tỷ lệ đạt được (%)	Ghi chú
I	Công khai, minh bạch	18	15,16		
1	Tỷ lệ thủ tục hành chính công bố đúng hạn	6			
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính được cập nhật, công khai đúng hạn	4		76,74%	
3	Tỷ lệ thủ tục hành chính được công khai có đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận tạo thành của thủ tục hành chính	2		100	
4	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	6			1.666.451 hồ sơ
II	Tiến độ, kết quả giải quyết	20	18,54		
5	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20		95,77	
III	Cung cấp dịch vụ trực tuyến	22	18,16		
III.1	Dịch vụ công	12	8,2		
6	Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2		70,01	
7	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4			
8	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính theo hình thức nộp trực tuyến	6		65,54	
III.2	Thanh toán trực tuyến	10	10		
9	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2		83,71	
10	Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	2		100	

11	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6		71,8	
IV	Số hóa hồ sơ	22	14,97		
12	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	6		71,85	
13	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	4		67,97	
14	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2		18,55	
15	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2			
16	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	4			
*	Ứng dụng dữ liệu dân cư trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công				
17	Tỷ lệ thủ tục hành chính triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính	2			
18	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2			
V	Mức độ hài lòng	18	17.94		
19	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6		99,98	
20	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6		99	
21	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	6		92,68	
		100	84,77		

Phụ lục 2
Danh sách tổng điểm, xếp hạng của các đơn vị

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
Sở, ban, ngành			
1	Sở An toàn thực phẩm	89.77	Tốt
2	Sở Xây dựng	88	Tốt
3	Sở Dân tộc và Tôn giáo	87.62	Tốt
4	Sở Du lịch	87.45	Tốt
5	Sở Văn hóa và Thể thao	84.65	Tốt
6	Sở Nông nghiệp và Môi trường	81.96	Tốt
7	Sở Y tế	81.38	Tốt
8	Sở Công Thương	80	Tốt
9	Sở Nội vụ	77.73	khá
10	Sở Tài chính (CS2)	74.13	khá
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	73.99	khá
12	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao	71.25	khá
13	Ban Quản lý Khu Chế xuất và công nghiệp	71.03	khá
14	Sở Khoa học và Công nghệ	68.89	Trung bình
15	Sở Tư pháp	56.99	Trung bình
16	Sở Tài chính	45	Yếu
17	Phòng hồ sơ nghiệp vụ - Công an TP.HCM	32	Yếu
UBND cấp xã			
1	Ủy ban nhân dân Xã Châu Đức	91.67	Xuất sắc
2	Ủy ban nhân dân Phường Chợ Quán	91.4	Xuất sắc
3	Ủy ban nhân dân Phường Đông Hòa	91.28	Xuất sắc
4	Ủy ban nhân dân Phường Cầu Kiệu	90.83	Xuất sắc

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
5	Ủy ban nhân dân Phường Bình Thới	90.78	Xuất sắc
6	Ủy ban nhân dân Xã Nhuận Đức	90.69	Xuất sắc
7	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn	90.57	Xuất sắc
8	Ủy ban nhân dân Phường Dĩ An	90.54	Xuất sắc
9	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Hưng	90.48	Xuất sắc
10	Ủy ban nhân dân Xã Phú Hòa Đông	90.43	Xuất sắc
11	Ủy ban nhân dân Phường Đức Nhuận	90.16	Xuất sắc
12	Ủy ban nhân dân Phường Bình Hưng Hòa	90.16	Xuất sắc
13	Ủy ban nhân dân Phường Vườn Lài	90.13	Xuất sắc
14	Ủy ban nhân dân Phường Khánh Hội	90.1	Xuất sắc
15	Ủy ban nhân dân Phường Tây Thạnh	90.09	Xuất sắc
16	Ủy ban nhân dân Xã Long Sơn	90.09	Xuất sắc
17	Ủy ban nhân dân Phường Minh Phụng	89.99	Tốt
18	Ủy ban nhân dân Phường An Phú	89.91	Tốt
19	Ủy ban nhân dân Phường Diên Hồng	89.9	Tốt
20	Ủy ban nhân dân Xã Phú Giáo	89.88	Tốt
21	Ủy ban nhân dân Phường Thủ Dầu Một	89.83	Tốt
22	Ủy ban nhân dân Phường An Hội Đông	89.73	Tốt
23	Ủy ban nhân dân Phường Cầu Ông Lãnh	89.7	Tốt
24	Ủy ban nhân dân Phường Tân Bình	89.67	Tốt
25	Ủy ban nhân dân Phường An Nhơn	89.67	Tốt
26	Ủy ban nhân dân Xã Bắc Tân Uyên	89.66	Tốt
27	Ủy ban nhân dân Xã Xuân Thới Sơn	89.61	Tốt
28	Ủy ban nhân dân Xã An Nhơn Tây	89.59	Tốt

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
29	Ủy ban nhân dân Phường Bình Tiên	89.58	Tốt
30	Ủy ban nhân dân Phường Tân Đông Hiệp	89.46	Tốt
31	Ủy ban nhân dân Phường Thủ Đức	89.45	Tốt
32	Ủy ban nhân dân Xã Phước Thành	89.39	Tốt
33	Ủy ban nhân dân Xã Thái Mỹ	89.3	Tốt
34	Ủy ban nhân dân Phường Bình Dương	89.28	Tốt
35	Ủy ban nhân dân Phường Tam Thắng	89.26	Tốt
36	Ủy ban nhân dân Phường Phú Lâm	89.24	Tốt
37	Ủy ban nhân dân Phường Bình Quới	89.2	Tốt
38	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hòa	89.2	Tốt
39	Ủy ban nhân dân Phường Thuận Giao	89.15	Tốt
40	Ủy ban nhân dân Phường Bình Tân	89.13	Tốt
41	Ủy ban nhân dân Phường Bà Rịa	89.12	Tốt
42	Ủy ban nhân dân Phường Tân Khánh	89.09	Tốt
43	Ủy ban nhân dân Xã Ngãi Giao	89.09	Tốt
44	Ủy ban nhân dân Phường Tây Nam	89.08	Tốt
45	Ủy ban nhân dân Xã An Long	89.07	Tốt
46	Ủy ban nhân dân Phường Tăng Nhơn Phú	88.99	Tốt
47	Ủy ban nhân dân Phường Trung Mỹ Tây	88.93	Tốt
48	Ủy ban nhân dân Xã Hồ Tràm	88.93	Tốt
49	Ủy ban nhân dân Phường An Khánh	88.93	Tốt
50	Ủy ban nhân dân Phường Phú Lợi	88.91	Tốt
51	Ủy ban nhân dân Phường Cát Lái	88.89	Tốt
52	Ủy ban nhân dân Xã Bình Chánh	88.84	Tốt

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
53	Ủy ban nhân dân Xã Tân Nhựt	88.81	Tốt
54	Ủy ban nhân dân Phường Tân Phú	88.73	Tốt
55	Ủy ban nhân dân Xã Tân An Hội	88.72	Tốt
56	Ủy ban nhân dân Phường Phú An	88.7	Tốt
57	Ủy ban nhân dân Phường Bình Trị Đông	88.61	Tốt
58	Ủy ban nhân dân Phường Bình Đông	88.59	Tốt
59	Ủy ban nhân dân Phường Bảy Hiền	88.58	Tốt
60	Ủy ban nhân dân Xã Thanh An	88.56	Tốt
61	Ủy ban nhân dân Phường Xuân Hòa	88.53	Tốt
62	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thọ	88.5	Tốt
63	Ủy ban nhân dân Phường Bình Phú	88.5	Tốt
64	Ủy ban nhân dân Phường Vĩnh Tân	88.49	Tốt
65	Ủy ban nhân dân Phường Bình Cơ	88.48	Tốt
66	Ủy ban nhân dân Phường Long Hương	88.36	Tốt
67	Ủy ban nhân dân Xã Xuyên Mộc	88.36	Tốt
68	Ủy ban nhân dân Phường Long Phước	88.34	Tốt
69	Ủy ban nhân dân Phường Phú Nhuận	88.34	Tốt
70	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hải	88.32	Tốt
71	Ủy ban nhân dân Phường Hiệp Bình	88.3	Tốt
72	Ủy ban nhân dân Phường Tam Long	88.27	Tốt
73	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Bình	88.24	Tốt
74	Ủy ban nhân dân Phường Chợ Lớn	88.23	Tốt
75	Ủy ban nhân dân Phường Phú Định	88.21	Tốt
76	Ủy ban nhân dân Phường Bình Tây	88.2	Tốt

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
77	Ủy ban nhân dân Xã Phước Hòa	88.2	Tốt
78	Ủy ban nhân dân Xã Bình Mỹ	88.18	Tốt
79	Ủy ban nhân dân Xã Đông Thạnh	88.1	Tốt
80	Ủy ban nhân dân Xã Bình Giã	88.08	Tốt
81	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Hiệp	88.03	Tốt
82	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hiệp	88	Tốt
83	Ủy ban nhân dân Phường An Đông	87.99	Tốt
84	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thuận	87.91	Tốt
85	Ủy ban nhân dân Phường Tân Định	87.9	Tốt
86	Ủy ban nhân dân Xã Bà Điểm	87.9	Tốt
87	Ủy ban nhân dân Phường Sài Gòn	87.85	Tốt
88	Ủy ban nhân dân Xã Long Hòa	87.78	Tốt
89	Ủy ban nhân dân Phường Bến Thành	87.73	Tốt
90	Ủy ban nhân dân Phường Phước Thắng	87.7	Tốt
91	Ủy ban nhân dân Xã Phước Hải	87.59	Tốt
92	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Hưng	87.54	Tốt
93	Ủy ban nhân dân Phường Bình Hòa	87.41	Tốt
94	Ủy ban nhân dân Phường Bến Cát	87.38	Tốt
95	Ủy ban nhân dân Xã Dầu Tiếng	87.26	Tốt
96	Ủy ban nhân dân Phường Gò Vấp	87.23	Tốt
97	Ủy ban nhân dân Phường Tân Tạo	87.21	Tốt
98	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn Nhất	87.06	Tốt
99	Ủy ban nhân dân Phường Nhiều Lộc	87	Tốt
100	Ủy ban nhân dân Xã Nhà Bè	86.96	Tốt

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
101	Ủy ban nhân dân Phường Tam Bình	86.95	Tốt
102	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thọ Hòa	86.84	Tốt
103	Ủy ban nhân dân Xã Bình Hưng	86.77	Tốt
104	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn Hòa	86.75	Tốt
105	Ủy ban nhân dân Phường An Hội Tây	86.69	Tốt
106	Ủy ban nhân dân Xã Hòa Hiệp	86.49	Tốt
107	Ủy ban nhân dân Phường Thới Hòa	86.48	Tốt
108	Ủy ban nhân dân Xã Trừ Văn Thố	86.44	Tốt
109	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn Nhì	86.41	Tốt
110	Ủy ban nhân dân Xã Hưng Long	86.34	Tốt
111	Ủy ban nhân dân Xã Bình Lợi	86.33	Tốt
112	Ủy ban nhân dân Phường Long Trường	86.21	Tốt
113	Ủy ban nhân dân Xã Hòa Hội	86.17	Tốt
114	Ủy ban nhân dân Phường Bàn Cờ	86.15	Tốt
115	Ủy ban nhân dân Xã Bàu Bàng	86.13	Tốt
116	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Lợi	86.07	Tốt
117	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hưng	85.78	Tốt
118	Ủy ban nhân dân Phường Thạnh Mỹ Tây	85.69	Tốt
119	Ủy ban nhân dân Phường Hạnh Thông	85.67	Tốt
120	Ủy ban nhân dân Phường Phước Long	85.65	Tốt
121	Ủy ban nhân dân Xã Đất Đỏ	85.64	Tốt
122	Ủy ban nhân dân Xã Vĩnh Lộc	85.61	Tốt
123	Ủy ban nhân dân Xã Long Hải	85.58	Tốt
124	Ủy ban nhân dân Phường Long Nguyên	85.53	Tốt

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
125	Ủy ban nhân dân Phường An Phú Đông	85.41	Tốt
126	Ủy ban nhân dân Phường Tân Mỹ	85.31	Tốt
127	Ủy ban nhân dân Xã Thường Tân	85.27	Tốt
128	Ủy ban nhân dân Xã Long Điền	85.24	Tốt
129	Ủy ban nhân dân Phường Thới An	85.13	Tốt
130	Ủy ban nhân dân Xã Bình Châu	85.11	Tốt
131	Ủy ban nhân dân Phường Long Bình	84.82	Tốt
132	Ủy ban nhân dân Xã Củ Chi	84.8	Tốt
133	Ủy ban nhân dân Xã An Thới Đông	84.79	Tốt
134	Ủy ban nhân dân Xã Xuân Sơn	84.74	Tốt
135	Ủy ban nhân dân Phường An Lạc	84.64	Tốt
136	Ủy ban nhân dân Xã Nghĩa Thành	84.63	Tốt
137	Ủy ban nhân dân Phường Rạch Dừa	84.5	Tốt
138	Ủy ban nhân dân Xã Kim Long	84.43	Tốt
139	Ủy ban nhân dân Xã Hiệp Phước	84.41	Tốt
140	Ủy ban nhân dân Xã Minh Thạnh	84.3	Tốt
141	Ủy ban nhân dân Xã Bàu Lâm	84.17	Tốt
142	Ủy ban nhân dân Phường Gia Định	84.07	Tốt
143	Ủy ban nhân dân Phường Bình Lợi Trung	84	Tốt
144	Ủy ban nhân dân Phường Vững Tàu	83.93	Tốt
145	Ủy ban nhân dân Phường Linh Xuân	83.92	Tốt
146	Ủy ban nhân dân Phường Phú Mỹ	83.91	Tốt
147	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thạnh	83.89	Tốt
148	Ủy ban nhân dân Xã Tân Vĩnh Lộc	83.73	Tốt

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
149	Ủy ban nhân dân Phường Tân Phước	83.64	Tốt
150	Ủy ban nhân dân Phường Thuận An	83.42	Tốt
151	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Phú Hòa	83.22	Tốt
152	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thuận	82.66	Tốt
153	Ủy ban nhân dân Xã Cần Giờ	82.58	Tốt
154	Ủy ban nhân dân Xã Hóc Môn	82.51	Tốt
155	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thành	82.39	Tốt
156	Ủy ban nhân dân Phường Bình Trưng	82.33	Tốt
157	Ủy ban nhân dân Xã Bình Khánh	82.3	Tốt
158	Ủy ban nhân dân Phường Đông Hưng Thuận	82.21	Tốt
159	Ủy ban nhân dân Phường Xóm Chiếu	81.67	Tốt
160	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thới Hiệp	81.66	Tốt
161	Ủy ban nhân dân Phường Tân Uyên	81.6	Tốt
162	Ủy ban nhân dân Xã đảo Thạnh An	81.34	Tốt
163	Ủy ban nhân dân Phường Lái Thiêu	81.15	Tốt
164	Ủy ban nhân dân Phường Thông Tây Hội	80.89	Tốt
165	Ủy ban nhân dân Xã Châu Pha	80.16	Tốt
166	Ủy ban nhân dân Đặc khu Côn Đảo	78.73	khá
167	Ủy ban nhân dân Phường Bình Thạnh	76.55	khá
168	Ủy ban nhân dân Phường Vĩnh Hội	76.19	khá

Phụ lục 3
Danh mục hồ sơ xử lý quá hạn

STT	Tên cơ quan/đơn vị	Mã định danh	Tổng số hồ xử lý quá hạn
1	Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố	H29.14.10	1095
2	Sở Tài chính (CS2)	H29.13	859
3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	H29.14	662
4	Sở Công Thương	H29.2	286
5	Sở Tư pháp	H29.16	245
6	Sở Xây dựng	H29.18	140
7	Sở An toàn thực phẩm	H29.109	129
8	Sở Y tế	H29.19	123
9	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Hưng	H29.179	113
10	Ủy ban nhân dân Phường Gia Định	H29.199	104
11	Sở Văn hóa và Thể thao	H29.17	90
12	Ủy ban nhân dân Phường Tăng Nhơn Phú	H29.151	89
13	Ủy ban nhân dân Phường Phú Lâm	H29.174	70
14	Ủy ban nhân dân Phường Bình Thạnh	H29.200	69
15	Ủy ban nhân dân Phường Đông Hưng Thuận	H29.189	67
16	Ủy ban nhân dân Phường Bình Trưng	H29.156	67
17	Ủy ban nhân dân Phường Cát Lái	H29.157	65
18	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thuận	H29.177	59
19	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thới Hiệp	H29.191	57
20	Ủy ban nhân dân Phường An Lạc	H29.197	54
21	Ủy ban nhân dân Phường Vũng Tàu	H29.248	54
22	Ủy ban nhân dân Phường Phước Long	H29.152	53
23	Ủy ban nhân dân Phường Bảy Hiền	H29.216	49
24	Ủy ban nhân dân Xã Bà Điểm	H29.243	49
25	Ủy ban nhân dân Xã Củ Chi	H29.239	48
26	Ủy ban nhân dân Xã Bình Hưng	H29.230	46
27	Ủy ban nhân dân Phường Sài Gòn	H29.159	44
28	Ủy ban nhân dân Phường Hiệp Bình	H29.146	43
29	Ủy ban nhân dân Phường Phú Mỹ	H29.256	41
30	Ủy ban nhân dân Xã Phú Hòa Đông	H29.240	41
31	Ủy ban nhân dân Phường Tam Bình	H29.147	40
32	Ủy ban nhân dân Phường Tân Khánh	H29.295	40
33	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thạnh	H29.222	40

34	Ủy ban nhân dân Phường Thới Hòa	H29.278	39
35	Ủy ban nhân dân Xã Tân Vĩnh Lộc	H29.225	39
36	Ủy ban nhân dân Phường Thới An	H29.192	37
37	Ủy ban nhân dân Phường Bến Thành	H29.160	37
38	Ủy ban nhân dân Phường Linh Xuân	H29.149	36
39	Ủy ban nhân dân Phường Đông Hòa	H29.279	36
40	Sở Nội vụ	H29.10	35
41	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hưng	H29.176	35
42	Ủy ban nhân dân Xã Hiệp Phước	H29.247	34
43	Ủy ban nhân dân Phường Tây Nam	H29.297	34
44	Ủy ban nhân dân Phường Tân Bình	H29.217	34
45	Ủy ban nhân dân Phường Chợ Quán	H29.168	32
46	Ủy ban nhân dân Phường An Đông	H29.169	32
47	Ủy ban nhân dân Phường Tân Uyên	H29.293	30
48	Ủy ban nhân dân Phường Long Bình	H29.150	30
49	Ủy ban nhân dân Phường Phước Thắng	H29.251	30
50	Ủy ban nhân dân Phường Bình Đông	H29.180	30
51	Ủy ban nhân dân Phường Tam Long	H29.255	30
52	Ủy ban nhân dân Phường Phú Lợi	H29.290	30
53	Ủy ban nhân dân Phường Lái Thiêu	H29.285	30
54	Ủy ban nhân dân Phường Bà Rịa	H29.253	29
55	Ủy ban nhân dân Xã Ngãi Giao	H29.261	29
56	Ủy ban nhân dân Phường Thông Tây Hội	H29.207	28
57	Ủy ban nhân dân Phường An Phú Đông	H29.193	28
58	Ủy ban nhân dân Phường An Nhơn	H29.205	28
59	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thọ Hòa	H29.221	28
60	Ủy ban nhân dân Phường Tân Mỹ	H29.175	27
61	Ủy ban nhân dân Phường Tam Thắng	H29.249	27
62	Ủy ban nhân dân Phường Thạnh Mỹ Tây	H29.202	26
63	Ủy ban nhân dân Xã Bàu Bàng	H29.309	26
64	Ban Quản lý Khu Chế xuất và công nghiệp	H29.34	26
65	Ủy ban nhân dân Phường An Hội Đông	H29.209	25
66	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thuận	H29.178	24
67	Ủy ban nhân dân Phường Cầu Kiệu	H29.211	22
68	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hiệp	H29.294	22
69	Ủy ban nhân dân Phường Phú Nhuận	H29.212	22
70	Ủy ban nhân dân Phường Nhiều Lộc	H29.164	22
71	Ủy ban nhân dân Xã Đông Thạnh	H29.245	21

72	Ủy ban nhân dân Phường An Khánh	H29.155	21
73	Ủy ban nhân dân Phường Bình Quới	H29.203	21
74	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn Hòa	H29.213	20
75	Ủy ban nhân dân Xã Thái Mỹ	H29.236	20
76	Ủy ban nhân dân Phường Đức Nhuận	H29.210	19
77	Ủy ban nhân dân Phường Tân Tạo	H29.198	18
78	Ủy ban nhân dân Phường Thuận Giao	H29.283	18
79	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn Nhì	H29.220	18
80	Ủy ban nhân dân Phường Minh Phụng	H29.188	18
81	Ủy ban nhân dân Phường Dĩ An	H29.280	18
82	Ủy ban nhân dân Phường Xuân Hòa	H29.162	18
83	Ủy ban nhân dân Phường Bình Lợi Trung	H29.201	17
84	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn Nhất	H29.214	17
85	Ủy ban nhân dân Xã Xuân Sơn	H29.265	17
86	Ủy ban nhân dân Phường Bình Cơ	H29.292	17
87	Ủy ban nhân dân Xã Châu Pha	H29.260	16
88	Ủy ban nhân dân Xã Bàu Lâm	H29.272	16
89	Ủy ban nhân dân Xã Bình Châu	H29.268	15
90	Ủy ban nhân dân Xã Bình Khánh	H29.233	15
91	Ủy ban nhân dân Phường Bàn Cờ	H29.163	15
92	Ủy ban nhân dân Xã Tân An Hội	H29.238	15
93	Ủy ban nhân dân Phường Cầu Ông Lãnh	H29.161	15
94	Ủy ban nhân dân Phường Tây Thạnh	H29.219	14
95	Ủy ban nhân dân Xã Nhà Bè	H29.246	14
96	Ủy ban nhân dân Phường Tân Đông Hiệp	H29.281	14
97	Sở Giáo dục và Đào tạo	H29.4	14
98	Ủy ban nhân dân Xã Minh Thạnh	H29.310	14
99	Ủy ban nhân dân Xã Phước Hải	H29.276	14
100	Ủy ban nhân dân Phường Rạch Dừa	H29.250	14
101	Ủy ban nhân dân Phường Tân Phú	H29.223	13
102	Ủy ban nhân dân Phường Gò Vấp	H29.206	13
103	Ủy ban nhân dân Phường Bình Hưng Hòa	H29.195	13
104	Ủy ban nhân dân Xã Bình Mỹ	H29.241	13
105	Ủy ban nhân dân Phường Trung Mỹ Tây	H29.190	12
106	Ủy ban nhân dân Phường Bình Tân	H29.194	12
107	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hải	H29.259	12
108	Ủy ban nhân dân Xã Bình Lợi	H29.226	12
109	Ủy ban nhân dân Xã Long Điền	H29.275	12

110	Ủy ban nhân dân Xã Xuyên Mộc	H29.270	12
111	Ủy ban nhân dân Xã Hồ Tràm	H29.269	11
112	Ủy ban nhân dân Xã Hưng Long	H29.229	11
113	Ủy ban nhân dân Xã Hòa Hiệp	H29.267	11
114	Ủy ban nhân dân Phường Diên Hồng	H29.183	11
115	Ủy ban nhân dân Phường Chợ Lớn	H29.170	10
116	Ủy ban nhân dân Xã Bình Chánh	H29.228	10
117	Ủy ban nhân dân Phường Long Trường	H29.154	10
118	Ủy ban nhân dân Xã Hòa Hội	H29.271	10
119	Sở Khoa học và Công nghệ	H29.7	10
120	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thành	H29.257	10
121	Ủy ban nhân dân Xã Tân Nhựt	H29.227	10
122	Ủy ban nhân dân Xã An Thới Đông	H29.232	10
123	Ủy ban nhân dân Phường Khánh Hội	H29.166	9
124	Ủy ban nhân dân Phường Long Hương	H29.254	9
125	Ủy ban nhân dân Xã Hóc Môn	H29.242	9
126	Ủy ban nhân dân Phường Bình Tiên	H29.171	9
127	Ủy ban nhân dân Phường Vĩnh Hội	H29.165	8
128	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Hưng	H29.184	8
129	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thọ	H29.186	8
130	Ủy ban nhân dân Xã Nghĩa Thành	H29.266	8
131	Ủy ban nhân dân Phường Bình Tây	H29.172	8
132	Ủy ban nhân dân Phường Bình Phú	H29.173	7
133	Ủy ban nhân dân Xã Dầu Tiếng	H29.312	7
134	Ủy ban nhân dân Phường An Phú	H29.286	7
135	Ủy ban nhân dân Phường Thủ Dầu Một	H29.289	7
136	Ủy ban nhân dân Xã Thường Tân	H29.303	7
137	Ủy ban nhân dân Phường Thuận An	H29.282	7
138	Sở Du lịch	H29.3	6
139	Ủy ban nhân dân Phường Bình Trị Đông	H29.196	6
140	Ủy ban nhân dân Phường Vườn Lài	H29.182	5
141	Ủy ban nhân dân Phường Phú Định	H29.181	5
142	Ủy ban nhân dân Phường Vĩnh Tân	H29.291	5
143	Ủy ban nhân dân Phường Long Phước	H29.153	5
144	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Bình	H29.185	5
145	Ủy ban nhân dân Xã Long Hòa	H29.311	5
146	Ủy ban nhân dân Xã Cần Giờ	H29.231	5
147	Ủy ban nhân dân Xã Bình Giã	H29.262	5

148	Ủy ban nhân dân Xã Xuân Thới Sơn	H29.244	5
149	Ủy ban nhân dân Xã An Nhơn Tây	H29.235	4
150	Ủy ban nhân dân Xã Nhuận Đức	H29.237	4
151	Ủy ban nhân dân Xã An Long	H29.304	4
152	Ủy ban nhân dân Xã Phước Hòa	H29.306	4
153	Ủy ban nhân dân Phường Xóm Chiếu	H29.167	4
154	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Lợi	H29.301	4
155	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao	H29.29	4
156	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn	H29.218	3
157	Ủy ban nhân dân Xã Đất Đỏ	H29.273	3
158	Ủy ban nhân dân Xã Phú Giáo	H29.307	3
159	Ủy ban nhân dân Phường Thủ Đức	H29.148	3
160	Ủy ban nhân dân Xã đảo Thạnh An	H29.234	3
161	Ủy ban nhân dân Xã Kim Long	H29.263	3
162	Ủy ban nhân dân Xã Thanh An	H29.313	2
163	Ủy ban nhân dân Phường Long Nguyên	H29.298	2
164	Ủy ban nhân dân Phường Bình Hòa	H29.284	2
165	Ủy ban nhân dân Phường Bình Thới	H29.187	2
166	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hòa	H29.215	2
167	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Phú Hòa	H29.300	2
168	Ủy ban nhân dân Xã Trừ Văn Thố	H29.308	2
169	Ủy ban nhân dân Xã Châu Đức	H29.264	2
170	Ủy ban nhân dân Phường Bình Dương	H29.287	2
171	Ủy ban nhân dân Phường Bến Cát	H29.299	2
172	Ủy ban nhân dân Đặc khu Côn Đảo	H29.277	2
173	Ủy ban nhân dân Xã Bắc Tân Uyên	H29.302	1
174	Ủy ban nhân dân Xã Long Sơn	H29.252	1
175	Ủy ban nhân dân Phường Phú An	H29.296	1
176	Ủy ban nhân dân Xã Phước Thành	H29.305	1
177	Ủy ban nhân dân Phường An Hội Tây	H29.208	1
178	Ủy ban nhân dân Xã Vĩnh Lộc	H29.224	1